

Số: 02/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 30 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2025 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CBTT-SDG.2025

Cần Thơ, ngày 30 tháng 01 năm 2026

V/v giải trình BCTC Quý 4/2025

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2025 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1).

* Giải trình nguyên nhân: tình hình kinh tế trong nước và thế giới đã tác động lớn đến thị trường ngành bao bì. Trước áp lực cạnh tranh gay gắt làm cho doanh thu của quý 4 năm 2025 giảm. Kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.



Mai Công Toàn

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		So sánh	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.704.233.602	70.469.807.878	(15.765.574.276)	-22%
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.704.233.602	70.469.807.878	(15.765.574.276)	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.208.917.381	62.219.842.383	(14.010.925.002)	-23%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.495.316.221	8.249.965.495	(1.754.649.274)	-21%
6. Doanh thu hoạt động TC	21	VI.3	366.780.280	938.250.561	(571.470.281)	-61%
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	996.797.557	1.129.002.127	(132.204.570)	-12%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		996.797.557	1.129.002.127	(132.204.570)	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	741.449.411	873.114.566	(131.665.155)	-15%
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	5.001.379.018	5.512.547.234	(511.168.216)	-9%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.470.515	1.673.552.129	(1.551.081.614)	
12. Thu nhập khác	31	VI.7		12.400	(12.400)	
13. Chi phí khác	32	VI.8		9.885.597	(9.885.597)	
14. Lợi nhuận khác	40			(9.873.197)	9.873.197	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122.470.515	1.663.678.932	(1.541.208.417)	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	16.158.018	6.935.636	9.222.382	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106.312.497	1.656.743.296	(1.550.430.799)	-94%